

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 16/7/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chung.

2. Bà Lê Thị Hoa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Hoàng Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông PHẠM THỨC H** - sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ d, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Bà NGÔ THỊ HOÀI T** - sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; nguyên đơn - ông Phạm Thức H trình bày: Ông là chủ hộ kinh doanh H (hộ kinh doanh cá thể) với ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ, mua bán xe máy các loại đã qua sử dụng, cho thuê xe máy. Ngày 05/8/2018, ông và bà Ngô Thị Hoài T có thỏa thuận ký kết hợp đồng cho thuê xe máy số 23/HD-HĐTX, số lượng 01 xe máy tình trạng xe 80%, loại sirius nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ đen, biển số 79N1-05343, do công an thị xã N cấp ngày 11/3/2011 đứng tên Nguyễn N.

Nguồn gốc xe máy là của ông Nguyễn N bán cho ông Phạm Giang C ngày 04/10/2017 (hợp đồng mua bán xe được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa chứng thực), sau đó vào ngày 17/10/2017 ông mua lại của ông Phạm Giang C (hợp đồng mua bán xe được công chứng tại Văn Phòng công chứng K).

Theo hợp đồng số 23/HD-HĐTX hai bên thỏa thuận giá thuê xe 100.000 đồng/ngày, phương thức thanh toán xe theo định kỳ 01 ngày một lần, thời hạn thuê 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Tuy nhiên đến thời hạn bà T không giao trả xe theo thỏa thuận và chỉ trả tiền thuê xe đến hết ngày 07/9/2018. Ngày 17/4/2019 bà T mới giao trả xe và hai bên đã lập “Biên bản giao nhận tài sản”.

Trong đơn khởi kiện ông yêu cầu bà T phải trả lại xe máy đã thuê và tiền thuê xe nhưng ngày 17/4/2019 bà T đã trả lại xe nên tại phiên tòa ông rút yêu cầu bà T trả xe máy mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Hoài T thanh toán đủ một lần tiền cho thuê xe mỗi ngày 100.000 đồng kể từ ngày 08/9/2018 đến ngày 17/4/2019 là: 221 ngày x 100.000đ = 22.100.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn bà Ngô Thị Hoài T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà T để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không trực tiếp lấy được lời khai của bà T và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 49; Điều 51 và Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa, thấy rằng: Việc giao kết hợp đồng giữa ông Phạm Thúc H – đại diện hộ kinh doanh và bà Ngô Thị Hoài T là không vi phạm các điều cấm và phù hợp quy định tại Điều 472; 473 và 474 Bộ luật dân sự nên đây là hợp đồng hợp pháp. Bà T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt thì coi như đã từ bỏ quyền và lợi ích của mình. Xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên thuê được quy định tại Điều 473 và Điều 481 Bộ luật dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị Hoài T phải trả một lần cho ông Phạm Thúc H số tiền thuê xe từ ngày 08/9/2018 đến ngày 17/4/2019 là 221 ngày x 100.000 đồng/ngày = 22.100.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông H rút yêu cầu buộc bà T trả lại xe, xét thấy việc rút này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Ngô Thị Hoài T cư trú tại Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Thúc H khởi kiện buộc bị đơn bà Ngô Thị Hoài T phải trả tiền thuê xe chưa thanh toán là 22.100.000đ. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng thuê xe*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

[3]. Về nội dung vụ án:

3.1. Hợp đồng thuê xe: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã cung cấp đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 05/8/2018 nguyên đơn ông Phạm Thúc H là chủ hộ kinh doanh H và bị đơn bà Ngô Thị Hoài T có ký kết hợp đồng cho thuê xe máy số 23/HD-HĐTX, giá thuê xe 100.000đ/ngày, phương thức thanh toán xe theo định kỳ 01 ngày một lần, thời hạn thuê 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nội dung hợp đồng thể hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc thỏa thuận trong hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng cho thuê xe giữa ông Phạm Thúc H và bà Ngô Thị Hoài T là có thực và hợp pháp.

3.2 Quyền sở hữu xe máy của nguyên đơn: Xét về nội dung và hình thức của hợp đồng mua bán xe máy ngày 04/10/2017 và ngày 17/10/2017 được công chứng và chứng thực là đúng với quy định của pháp luật nên xác định ông Phạm Thúc H là chủ sở hữu hợp pháp của xe máy biển số 79N1-05343.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu trả xe máy thuê và chỉ yêu cầu trả tiền thuê xe, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên cần chấp nhận, chỉ buộc bị đơn bà Ngô Thị Hoài T phải thanh toán tiền thuê xe cho ông Phạm Thúc H kể từ ngày 08/9/2018 đến ngày 17/4/2019 là 221 ngày x 100.000 đồng/ngày = 22.100.000đ.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 22.100.000đ x 5% = 1.105.000đ. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 472, Điều 473 và Điều 481 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị Hoài T phải trả cho ông Phạm Thúc H số tiền thuê xe là 22.100.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng).

2. Về án phí:

Bà Ngô Thị Hoài T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.105.000 đồng (một triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn là ông Phạm Thúc H số tiền 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006331 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TX. N;
- Chi cục THADS TX. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Linh